|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  Số:  /QĐ-TTg  **(Dự thảo)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Danh mục bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý**

**nhà nước của ngành Tư pháp**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Công an;*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. *Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật***

1. Tin, tài liệu xác lập luận cứ khoa học do Bộ Tư pháp chuẩn bị để hoạch định đường lối, chính sách pháp luật quan trọng của Đảng và Nhà nước chưa công bố. Các hoạt động lập hiến, lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề quan trọng do Bộ Tư pháp chuẩn bị. Kế hoạch, chương trình hành động của Bộ Tư pháp thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoàn thiện hệ thống pháp luật chưa công khai;

2. Chiến lược, kế hoạch, đề án phát triển quan hệ với nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo; các thỏa thuận hợp tác về tư pháp và pháp luật giữa Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư pháp nước ngoài, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế. Thông tin, tài liệu về các cuộc đàm phán, tiếp xúc cấp cao giữa Việt Nam với nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về tư pháp. Tin, số liệu liên quan đến hoạt động đối ngoại của Bộ Tư pháp;

Thông tin hội nghị, các buổi làm việc, các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các vụ kiện, tranh chấp có yếu tố nước ngoài mà Bộ Tư pháp là đại diện cho Chính phủ Việt Nam;

3. Các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản khác do Bộ Tư pháp chủ trì, soạn thảo có liên quan đến an ninh quốc gia, phòng thủ đất nước, phòng chống tội phạm;

4. Các văn bản, tài liệu, số liệu tuyệt đối, cơ sở dữ liệu, đề án, chiến lược các lĩnh vực công tác của các cơ quan tư pháp và thi hành án dân sự; các báo cáo, tài liệu, số liệu liên quan đến vụ việc thi hành án dân sự, thi hành án hành chính phức tạp, kéo dài; các báo cáo, số liệu liên quan đến việc thu hồi tài sản trong vụ án kinh tế, tham nhũng;

5. Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật của các cơ quan, tổ chức khác.

***Điều 2. Danh mục bí mật nhà nước độ Mật***

1. Các nội dung thuộc Điều 1 có mức độ Mật;

2. Nội dung, chương trình, kế hoạch do Bộ Tư pháp chuẩn bị về đàm phán kết quả đàm phán với Chính phủ nước ngoài về trục xuất công dân, tiếp nhận người phạm tội, dẫn độ tội phạm không công bố hoặc chưa công bố;

3. Chiến lược, kế hoạch, đề án, quy trình chuẩn bị và triển khai công tác tổ chức, cán bộ; thông tin về công tác bảo vệ chính trị nội bộ của Bộ Tư pháp chưa công bố hoặc không công bố;

4. Đơn thư tố cáo đang thẩm tra xác minh, tài liệu thanh tra, kiểm tra chưa công bố; Thông tin về hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng thuộc các lĩnh vực Bộ Tư pháp quản lý chưa được cá nhân, tổ chức có thẩm quyền quyết định công bố theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định;

5. Số liệu tuyệt đối về các lĩnh vực công tác của Bộ Tư pháp chưa công bố; kết quả điều tra, công trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, công trình khoa học, giải pháp hữu ích ngành Tư pháp;

6. Các tài liệu, số liệu liên quan đến đánh giá tình hình yêu cầu bồi thường, giải quyết bồi thường theo quy định pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; các tài liệu, số liệu về hoạt động quản lý nhà nước về nuôi con nuôi;

7. Tài liệu thiết kế, thông số kỹ thuật, các quy ước bảo đảm an toàn mạng thông tin, máy tính có chứa dữ liệu nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Tư pháp;

8. Văn bản có sử dụng tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của các cơ quan, tổ chức khác.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Quyết định số [18/2004/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/cong-nghe-thong-tin/quyet-dinh-182-2006-qd-ttg-danh-muc-bi-mat-nha-nuoc-do-toi-mat-nganh-buu-chinh-vien-thong-cntt-13444.aspx) ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật nhà nước độ Tối mật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

**Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, TCCB. | **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

|  |
| --- |
|  |